GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH

Nguyễn Hiếu Thảo¹

ORAL PRESENTATION STRATEGY FOR ENHANCING ENGLISH SPEAKING PROFICIENCY TO NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS

Nguyen Hieu Thao¹

Tóm tắt – Bài viết giới thiệu phương pháp thuyết trình được sử dụng như một công cụ giảng dạy trong các lớp học không chuyên tiếng Anh, đặc biệt là trong bối cảnh của Trường Đại học Trà Vinh với các nội dung như sau: (1) Giới thiệu tổng quan việc dạy và học tiếng Anh, một số yếu tố ảnh hưởng đến năng lực nói của SV ở Việt Nam và ở một số nước khác; (2) Lợi ích của phương pháp thuyết trình mang lại cho người học; (3) Đề xuất giúp giảng viên sử dụng phương pháp này một cách hiệu quả. Kết quả cho thấy có bốn yếu tố chính ảnh hưởng đến năng lực nói của sinh viên, đó là: thiếu kiến thức về chủ đề, thiếu tự tin, không có môi trường thực hành và sử dụng nhiều tiếng mẹ đẻ khi nói tiếng Anh. Thông qua phương pháp này, sự tự tin, lượng từ vựng, những kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng mềm khác của người học được nâng cao. Tuy nhiên, giảng viên cần hướng dẫn rõ ràng, hạn chế áp lực về điểm số, có sự đánh giá tương thích đến người học và khuyến khích sinh viên phát huy tính chủ động trong lớp học. Một số giải pháp được trình bày trong bài viết này có thể giúp giảng viên sử dụng như một phương tiện cải thiện khả năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Từ khóa: *anh văn không chuyên, kỹ năng nói tiếng Anh, phương pháp thuyết trình, Trường Đại học Trà Vinh.*

Abstract – This paper presents an integrated-skill approach of using oral presentations as an interactive teaching tool in non-English major classrooms, specifically in the context of Tra Vinh University. This paper has the following sections: (1) introducing the context of teaching and learning English and the factors affecting students' speaking ability in Vietnam and in several other countries; (2) presenting the benefits of integrating oral presentation in the classroom; (3) proposing suggestions that help EFL teachers to apply this approach effectively. The result shows that four main factors, which affect students' speaking ability, are a lack of topical knowledge, low self-esteem, limited chances of practice and the overuse of mother tongue. By giving presentation, students have a higher level of confidence, speak correctly, use more vocabularies, and develop other language skills as well as soft-skills. However, teachers need to instruct students clearly; reduce pressure on student grades and make effective feedback to individual. Besides, students need encouragement to create dynamic learning environment. It is hoped that the pedagogical ideas presented in this paper can help teachers effectively employ oral presentations as a means of improving students' English speaking ability.

Keywords: *general English, speaking skill, oral presentation strategy, Tra Vinh University*

¹ Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Trà Vinh
Email: hieuthao872@gmail.com

¹ School of Foreign Languages, Tra Vinh University

I. BỐI CẢNH LỒNG GHÉP PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Theo Hoàng Văn Vân [1], sau giai đoạn Đổi mới (1986), hệ thống giáo dục Việt Nam bắt đầu chuyển biến, chính phủ bắt đầu xây dựng chương trình giảng dạy tiếng Anh vào hệ thống giáo dục quốc gia nhằm thu hút các nhà đầu tư vào Việt Nam. Điều này cho thấy học tiếng Anh là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu giúp đất nước phát triển. Kết quả nghiên cứu của Trần Thị Tuyết [2] cho thấy hầu hết các trường cao đẳng, đại học tại Việt Nam hiện nay đều xây dựng chương trình giảng dạy tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc áp dụng giảng dạy tiếng Anh ở bậc giáo dục đại học nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ² của sinh viên (SV), giúp SV có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo sau khi tốt nghiệp và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Để đạt được mục đích này, cả bốn kỹ năng của ngôn ngữ là đọc, viết, nghe và nói đều cần phải được hoàn thiện [3]. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mục tiêu quan trọng của việc học ngoại ngữ là đạt được khả năng sử dụng ngôn ngữ đó để giao tiếp [4], [5], [6]. Theo Koşar et al. [7], phương pháp giảng dạy cần phải đáp ứng mục đích giao tiếp trong và sau khi học. Nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, cũng có cùng quan điểm như trên, điển hình như các công trình [4], [6], [7]. Những học giả này có cùng quan điểm là người dạy cần áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng mang tính ứng dụng giao tiếp để nâng cao khả năng nói tiếng Anh cho người học. Một nghiên cứu của Al-Issa [3] cho thấy hầu hết SV đều đồng ý mục tiêu quan trọng cuối cùng của việc học tiếng Anh là làm sao có thể diễn đạt ý trong khi nói một cách trôi chảy. Tương tự, Boonkit [8] cũng bày tỏ ý kiến rằng khả năng nói lưu loát và có thể diễn đạt thành công được ý nghĩ được xem là mục tiêu quan trọng nhất trong quá trình dạy và học một ngoại ngữ.

Những nhận định trên đây đã phần nào cho

thấy kỹ năng nói đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cải thiện năng lực ngoại ngữ nói chung của SV. Có nhiều ý kiến khác nhau về vai trò của GV và SV trong việc dạy và học tiếng Anh; một số ý kiến đồng ý cả GV và SV có trách nhiệm như nhau khi SV thể hiện năng lực nói yếu; số khác đưa ra lập luận trái ngược, SV có nhiều trách nhiệm hơn trong việc nâng cao năng lực ngoại ngữ của cá nhân và điển hình là kỹ năng nói. Nhưng theo hai nhà nghiên cứu Khan và Ali [9], GV vẫn mang nhiều trách nhiệm hơn vì họ được đánh giá là những người có kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Đồng ý luận điểm điểm này, Marzuki et al. [4] ngụ ý rằng mặc dù SV đóng vai trò quyết định khả năng ngôn ngữ của họ nhưng GV là nhân tố quan trọng trong quá trình nâng cao khả năng nói cho SV. Nói cách khác, GV cần tạo ra không gian tương tác trên lớp học và hướng dẫn SV thực hiện các hoạt động để cải thiện khả năng nói. Lí giải về điều này, các nghiên cứu [7]–[9] đã vạch rõ nếu GV không thể tạo ra môi trường học và luyện tập hợp lí thì việc dạy đó không mang lại hiệu quả cho SV. Trong đó, kết quả nghiên cứu của Faulin et al., trích dẫn từ Marzuki et al. [4], cho thấy SV học ngoại ngữ tại Indonesia gặp nhiều khó khăn trong việc biểu lộ những gì họ thật sự muốn nói. Bên cạnh lí do thiếu tự tin khi nói, SV cũng thừa nhận rằng họ khó diễn đạt hết ý tưởng một cách lưu loát khi nói bằng tiếng Anh do nhiều yếu tố như thiếu từ vựng, phát âm thiếu chuẩn xác. Leong et al. [10] cũng nêu quan điểm nếu SV có khả năng nói không tốt thì những SV này có xu hướng chuyển sang nói ngôn ngữ mẹ đẻ trong khi đang giao tiếp bằng tiếng Anh.

Ở bậc giáo dục đại học tại Việt Nam, việc giảng dạy tiếng Anh cho SV nói chung và SV không chuyên tiếng Anh nói riêng đều được đánh giá rất quan trọng [2]. Theo bảng xếp hạng thông thạo chỉ số Anh ngữ EF EPI năm 2018 [11], Việt Nam đạt 53,12 điểm, đứng thứ 41 trên thế giới trong tổng số 88 nước và xếp hạng thứ bảy tại châu Á trong tổng số 21 nước (sau Singapore, Phillipines, Malaysia, Ấn Độ, Hồng Kông và Hàn Quốc). Mặc dù xếp hạng cao trong khu vực, nhưng Trần Thị Tuyết [2], Trần Thị Hảo và cộng sự [12] cho biết tình hình học tập và giảng dạy

²Ngoại ngữ trong bài viết này được quy định là tiếng Anh

tiếng Anh ở một số trường đại học hiện nay chưa hiệu quả và SV không thể giao tiếp bằng tiếng Anh sau khi ra trường. Từ kết quả phỏng vấn trong nghiên cứu của Trần Thị Tuyết [2], SV bày tỏ lí do không học được nhiều từ kĩ năng nói là do GV chưa áp dụng được những phương pháp dạy học thú vị và hạn chế các hoạt động giúp SV tự tương tác, chủ yếu “dạy để thi” [2, tr.142]. Riêng đối với SV không theo học chuyên ngành tiếng Anh, kĩ năng nói được xem là một trong những kĩ năng SV ngại và chậm nhất [8].

Từ những khó khăn và nhu cầu của chính SV khi học tiếng Anh, nhu cầu phát triển của xã hội, GV cần áp dụng những phương pháp giảng dạy thích hợp với tình hình thực tế của SV để nâng cao khả năng nói cho SV. Hơn thế nữa, phương pháp được áp dụng cần đảm bảo yếu tố nâng cao khả năng ngôn ngữ của SV nhưng vẫn tạo hứng thú cho SV trong quá trình thực hành [10]. Trong những năm gần đây, kết quả nghiên cứu [3], [9], [10] đã cho thấy việc lồng ghép một số kĩ năng mềm vào giờ học mang lại hiệu quả tích cực, không chỉ nâng cao năng lực tiếng nói chung mà còn giúp SV cải thiện từng kĩ năng ngôn ngữ cũng như kĩ năng mềm nói riêng. Theo kết quả nghiên cứu của Daif-Allahet al. [13], những SV theo học tiếng Anh tại Pakistan đều cải thiện khả năng nói khi GV áp dụng những hoạt động giúp SV có thể tương tác trực tiếp và nói một cách tự nhiên. Những kết quả này cho thấy kĩ năng nói được xem là kĩ năng quan trọng nhất vì kĩ năng này thể hiện năng lực giao tiếp khi học một ngoại ngữ, và một trong những phương pháp được nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ đánh giá cao và có thể đáp ứng được nhu cầu trên là sử dụng phương pháp thuyết trình vào bài giảng. SV có thể chủ động tạo ra nhiều tình huống tương tác với bạn học cùng lớp và GV thông qua bài thuyết trình của cá nhân (hoặc nhóm), SV còn có thể trao đổi ý tưởng, tạo ra môi trường học thân thiện, giúp đỡ SV khác nâng cao sự tự tin, thoải mái khi sử dụng tiếng Anh cũng như cải thiện kĩ năng thuyết trình, nói trước công chúng [9].

Theo Cheung [14], để đạt thành công của một khóa học ngoại ngữ, SV cần phải có khả năng diễn đạt được ý nghĩ của bản thân một cách chính xác và lưu loát nhất. Và để đạt được điều này,

Cheung [14] đã đề xuất thuyết trình có thể giúp SV đạt được mục tiêu quan trọng này. Hơn nữa, trong bài nghiên cứu của Miles [15], mặc dù có nhiều nghiên cứu về việc ứng dụng kĩ năng thuyết trình trên lớp nhưng đa phần chỉ tập trung vào những yếu tố tạo nên một bài thuyết trình hoàn hảo hoặc những khó khăn và thuận lợi khi sử dụng phương pháp thuyết trình vào bài giảng của GV, trong khi có ít nghiên cứu chú trọng đến tầm quan trọng của kĩ năng này trong việc cải thiện, nâng cao khả năng nói của SV trong môi trường giảng dạy ngoại ngữ.

II. VIỆC DẠY VÀ HỌC KỸ NĂNG NÓI CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

A. Đặc điểm và tầm quan trọng của kĩ năng nói

Theo De Jong et al. [16], mỗi cá nhân đều có mức độ diễn đạt và mức độ lưu loát khác nhau khi nói. Nhóm tác giả này giải thích rằng do một số người khi nói dù sử dụng ngôn ngữ đầu tiên³ hay ngôn ngữ nước ngoài đều có tốc độ nói khác nhau và cách sử dụng từ vựng, khả năng tự tin cũng khác nhau. Chính vì vậy, khả năng nói của mỗi người đều khác nhau. Có hai đặc điểm chính tạo nên khả năng nói thành thạo mà SV cần chú trọng, đó là mức độ lưu loát và tính chính xác [4]. Kết quả nghiên cứu của Soureshjani et al. [17] thể hiện quan điểm rằng khả năng nói lưu loát trong những tình huống cuộc sống hằng ngày được xem là mục tiêu quan trọng nhất của một người học ngoại ngữ. Ở nhiều góc độ khác nhau, khả năng nói lưu loát được định nghĩa khác nhau [16]. Lennon, trích dẫn từ De Jong [16], giới thiệu có hai cách để định nghĩa sự lưu loát. Về định nghĩa chung, sự lưu loát là khả năng trình bày bài nói một cách thành thạo nói chung; về định nghĩa hẹp hơn, sự lưu loát được thể hiện qua tính trôi chảy và không mang tính ràng buộc khi nói. Freed, trích dẫn từ De Jong [16], đưa ra yêu cầu để đáp ứng khả năng nói lưu loát là cần phải sử dụng đúng ngữ pháp và từ vựng đúng ngữ cảnh.

³Ngôn ngữ đầu tiên trong bài viết này được quy định là tiếng mẹ đẻ

Ngoài khả năng nói lưu loát, SV cần phải chú ý đến sự chính xác của ngôn ngữ khi nói, thí dụ khả năng sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và phát âm đúng. Thornbury [18] đưa ra phân tích nếu sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp thì SV có thể truyền đạt thông tin nhanh và giúp người nghe tiếp thu ý tưởng dễ dàng hơn. Thêm vào đó, Thornbury cũng nhấn mạnh việc sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh giúp hạn chế vấn đề hiểu lầm trong khi truyền đạt ý. Từ đó, hạn chế một số mâu thuẫn có thể xảy ra khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. Đối với hệ thống giáo dục Việt Nam, tiếng Anh được giảng dạy bắt đầu từ lớp 3, ở một số vùng có kinh tế khó khăn thì đến bậc học phổ thông trung học (cấp 3) học sinh mới bắt đầu làm quen với môn học này (tiếng Anh). Mặc dù có cơ hội tiếp xúc và học tập từ 3 đến 7 năm nhưng đến bậc đại học SV vẫn có nhiều khó khăn khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. Khi được hỏi kỹ năng nào khó cải thiện nhất, nhiều SV bày tỏ rằng họ có thể dễ dàng cải thiện những kỹ năng khác như đọc, viết nhưng lại khó nâng cao khả năng nói tiếng Anh [19]. Trong khi đó, Ur, trích dẫn từ Daif-Allah et al. [13], đưa ra quan điểm rằng nói là kỹ năng quan trọng nhất trong bốn kỹ năng của ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết). Hanifa [19] cũng cho biết những SV có khả năng nói tốt được đánh giá cao hơn so với những SV khác.

B. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên

Trong lớp học, kỹ năng nói đa phần được đánh giá qua các bài kiểm tra. Do đó, có thể nói việc dạy và học trong trường hợp này mang nặng về điểm số hơn là tính học thuật [2]. Al-Issa [3] cũng nhận định tương tự rằng không ngạc nhiên khi nhận thấy một số SV học ngoại ngữ chỉ để cố gắng vượt qua các kì thi với mục đích có thể tốt nghiệp hoặc vì nhu cầu cần thiết cho công việc. Chính vì vậy, học tiếng Anh chỉ được xem như phần bổ trợ cho những mục đích khác nhau, và điều này trở nên phổ biến hơn ở một số quốc gia khi nhu cầu sử dụng tiếng Anh được liệt kê vào vòng Mở rộng (expanding circle countries)⁴ và

theo mô tả của Denham [20], Việt Nam là một trong số những quốc gia này. Như vậy, khả năng nói tiếng Anh của SV cũng bị chi phối bởi mục đích và động lực học của mỗi cá nhân. Song song đó, nhiều yếu tố khác như nhu cầu xã hội, giáo trình, phương pháp và hoạt động trên lớp cũng ảnh hưởng đến khả năng sử dụng tiếng Anh của SV.

Một số nghiên cứu khác cũng đã được thực hiện nhằm tìm hiểu những khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực nói của SV học tiếng Anh, từ đó giúp GV có thể linh hoạt sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để giảng dạy [7], [8], [18]. Cụ thể, Koşar et al. [7] cho biết phần lớn SV học tiếng Anh như một ngoại ngữ đều gặp áp lực với kỹ năng nói nhiều hơn so với các kỹ năng khác và những nguyên nhân khiến SV gặp khó khăn khi sử dụng tiếng Anh được chia thành ba nhóm chính. *Nhóm kiến thức*: là nhóm phổ biến nhất, nhóm này bao gồm các yếu tố liên quan đến kiến thức của SV khi nói, SV thường bộc lộ khả năng lúng túng khi phải nói về những chủ đề không quen thuộc. Hơn nữa, nhóm này cũng bao gồm những khó khăn như thiếu kiến thức về ngữ pháp, không xác định được trọng âm của từ, thiếu ý tưởng. Nhóm thứ 2 được gọi là *nhóm tâm lý*, nhóm này bao gồm những yếu tố thiên về những cảm xúc và nhận thức của SV khi học kỹ năng nói. Trong đó, tác giả nhấn mạnh rằng với những SV không có nhiều động lực học tiếng Anh sẽ có xu hướng ít nói hơn những SV khác trên lớp. Thêm vào đó, việc ít tham gia các hoạt động tương tác lâu ngày gây ra cảm giác sợ hãi khi nói tiếng Anh trước nhiều người. Ngoài ra, SV ít nói tiếng Anh khi tham gia thảo luận hay trình bày ý tưởng do cảm giác sợ GV hoặc các bạn cùng lớp đánh giá. Nhóm thứ ba được gọi là *nhóm trình bày*, nhóm này bao gồm các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến SV trong lúc thực hành nói, thí dụ áp lực về thời gian hoặc những mâu thuẫn xảy ra trong lúc làm việc nhóm.

Ở một quan điểm khác, Ur, trích dẫn từ Al Hosni [21], đưa ra bốn nguyên nhân chính ảnh hưởng đến khả năng nói của SV. Nguyên nhân đầu tiên được gọi là sự tự ti, SV luôn có cảm giác lo lắng và sợ bị chỉ trích khi nói sai hoặc đơn giản hơn là SV mang tính cách rụt rè, thiếu

⁴Những nước sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ

tự tin khi nói tiếng Anh. Nguyên nhân thứ hai là *không có ý tưởng*, SV thường bày tỏ rằng họ không có nhiều ý để trình bày khi GV hỏi một vấn đề bằng tiếng Anh. Nguyên nhân thứ ba là *thiếu môi trường luyện tập*, SV bày tỏ rằng họ ít khi được thực hành trên lớp do đặc điểm lớp học thường đông và nguyên nhân cuối cùng là *sử dụng tiếng mẹ đẻ*. SV có xu hướng chuyển sang sử dụng tiếng mẹ đẻ khi tham gia thực hành nói trên lớp, nguyên nhân này được diễn giải bởi Leonget al. [10] rằng SV có thể bày tỏ ý tốt hơn nếu thảo luận bằng tiếng mẹ đẻ trước.

C. Thực trạng dạy và học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Trà Vinh

Tại Trường Đại học Trà Vinh, ngoài chương trình được thiết kế dành riêng cho SV theo học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, một số lượng lớn SV đang theo học các ngành khác đều học chương trình Anh văn không chuyên. Trong quá trình giảng dạy ở một số lớp, GV nhận thấy phần lớn SV ở các lớp Anh văn không chuyên 1 và 2 đều thể hiện sự hào hứng khi học môn này trên lớp nhưng khi được yêu cầu thảo luận nhóm hoặc trả lời câu hỏi thì SV bộc lộ sự thiếu tự tin, rụt rè. SV cho biết do chưa quen với việc trình bày ý tưởng bằng tiếng Anh vì ở cấp bậc phổ thông đa phần SV ít cơ hội để thực hành. Tuy nhiên, ở cấp độ Anh văn không chuyên 3 và 4, phần đông SV tự tin hơn, chủ động phát biểu nhưng chỉ ở những chủ đề quen thuộc hằng ngày như thói quen sinh hoạt, món ăn hoặc môn thể thao yêu thích. Khi được yêu cầu phản biện hoặc đưa ra ý tưởng ở những chủ đề với cấp độ chuyên sâu hơn, thí dụ giáo dục giới tính, rèn luyện kỹ năng mềm hoặc sức khỏe thì SV vẫn thể hiện sự bối rối và hạn chế về lượng từ vựng. Một thực trạng khác hạn chế năng lực nói của SV tại Trường là do đặc điểm tình hình lớp học đông (từ 30 đến 35 SV trên một lớp) nên SV có ít cơ hội luyện tập trên lớp học. Bên cạnh đó, một số lớp chỉ có một số lượng ít SV tham gia thường xuyên và những SV khác ít/không tham gia, điều này dẫn đến tỉ lệ tham gia nói tương đối thấp và không đồng đều. Bên cạnh đó, một trong những khó khăn khác mà SV theo học chương trình Anh văn không

chuyên tại Trường Đại học Trà Vinh gặp phải là thiếu môi trường tương tác và lượng từ vựng ít, SV thường chuyển sang sử dụng tiếng Việt khi nói do sợ sai trong quá trình nói tiếng Anh.

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH TRONG DẠY VÀ HỌC NÓI TIẾNG ANH CHO SV KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

A. Tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong giảng dạy ngoại ngữ

Có nhiều định nghĩa khác nhau về kỹ năng thuyết trình, Soureshjani et al. [17] định nghĩa kỹ năng thuyết trình là khả năng trình bày một vấn đề nào đó rõ ràng, có sức thuyết phục và thể hiện một cách tự tin. Theo Ellis et al., trích dẫn từ Hanifa et al. [22], khái niệm thuyết trình là một bài nói được chuẩn bị trước với cấu trúc rõ ràng. Theo quan điểm của Tkachenko, trích dẫn từ Hanifa et al. [22], một cách đơn giản hơn, những ý tưởng hoặc sản phẩm được trình chiếu hoặc giảng giải đến khán giả thông qua một bài nói được gọi là thuyết trình. Thêm vào đó, ở một nghiên cứu khác, Hanifa [19] lại nhận định mặc dù bài thuyết trình nói nên được luyện tập trước nhưng SV không nên trình bày dưới hình thức ghi nhớ. Do đó, tác giả nhấn mạnh thuyết trình không hoàn toàn là một bài nói trong suốt thời gian trình bày mà thuyết trình còn mang tính tương tác với khán giả.

Miles [15] đưa ra đề xuất nên sử dụng phương pháp thuyết trình như một công cụ giảng dạy giúp ích ở bậc giáo dục đại học. King [23] chỉ ra nếu được hướng dẫn và tổ chức một cách hợp lý thì phương pháp thuyết trình có thể mang lại những kinh nghiệm và kỹ năng học tập suốt đời (life-long skills) cho SV. Ngoài ra, theo Nguyễn Xuân Hưng [24], thuyết trình được xem là một trong những phương pháp có thể mang lại hiệu quả tương tác cao giữa SV với nhau và để trở thành một người thuyết trình hay thì cần nhiều yếu tố như am hiểu kiến thức về chủ đề sẽ thuyết trình, giọng nói, kỹ năng quản lý thời gian nhưng yếu tố quan trọng nhất là người thuyết trình phải truyền tải được thông điệp đến người nghe một cách tốt nhất. Chính vì vậy, người thuyết trình nên hiểu rõ bản chất của phương pháp thuyết

trình để đạt được mục đích trên. Trong bài viết này, phương pháp thuyết trình được sử dụng trên lớp học như một công cụ giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm, SV đóng vai trò là người thuyết trình sử dụng tiếng Anh để truyền tải thông điệp dưới hình thức chỉ dẫn và chia sẻ thông tin.

B. Một số lợi ích của việc sử dụng kỹ năng thuyết trình trong giảng dạy tiếng Anh

Nguyễn Xuân Hưng [24] đã xác định một trong những vấn đề GV giảng dạy ngoại ngữ đa phần gặp phải là SV thường nhút nhát khi nói tiếng Anh. Chính vì vậy, kỹ năng thuyết trình trên lớp sẽ giúp SV có thể thực hành nhiều nhất có thể. Kết quả của một số nghiên cứu về kỹ năng thuyết trình trước công chúng cho thấy kỹ năng này không chỉ xây dựng sự tự tin cho người nói, giúp SV có khả năng hoàn thành công việc tốt hơn sau khi tốt nghiệp [12] mà còn tăng khả năng giao tiếp cho SV trong nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, khoa học, kinh doanh [3]. Những nhà nghiên cứu này cũng đưa ra kết luận khi những SV nào có nhiều cơ hội thuyết trình hơn thì một số kỹ năng khác cũng được cải thiện nhiều hơn, cụ thể là kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng tư duy phản biện. Nghiên cứu về hiệu quả của kỹ năng thuyết trình đối với SV học tiếng Anh như ngôn ngữ nước ngoài, Al-Issa et al. [3] lý giải rằng sử dụng phương pháp thuyết trình là một trong những đặc thù của giáo dục cấp tiến⁵ (progressive education) và phương pháp giảng dạy lấy SV làm trung tâm (a student-centered approach) sẽ tạo ra một môi trường dạy và học ngoại ngữ sinh động hơn.

Song song đó, thuyết trình trên lớp giúp SV đạt được các kỹ năng ngôn ngữ do người học vừa sử dụng khả năng viết thông qua nội dung thuyết trình, nội dung có thể được thể hiện qua những slide trình chiếu Power Point, kỹ năng nghe, đặt và trả lời câu hỏi liên quan đến chủ đề đang được trình bày. Nói là phương thức giao tiếp mà người thuyết trình (SV) sử dụng để truyền tải nội dung đến người nghe (bạn cùng lớp và GV). Al-Mutawa et al., trích dẫn từ Al-Issa et al. [3, p. 299], nhấn mạnh rằng ‘để có khả năng nói lưu loát là một quá trình lâu dài và phức tạp, nó

đòi hỏi người học cần nỗ lực luyện tập thường xuyên’. Quá trình nỗ lực này được Daif-Allah et al. [13] kết luận rằng, đó là kết quả của quá trình luyện tập các hoạt động thường xuyên dẫn đến khả năng nói ngôn ngữ khác một cách tự nhiên và lâu ngày trở thành tiềm thức. Do đó, thuyết trình là cách mang lại hiệu quả cao nhất để khuyến khích SV không chỉ đưa ra những ý tưởng của bản thân dưới hình thức sử dụng tiếng Anh mà còn giúp những SV khác trong lớp nâng cao kỹ năng này nói riêng và những kỹ năng khác nói chung [25].

Một nghiên cứu khác về việc sử dụng kỹ năng thuyết trình khi giảng dạy ngoại ngữ tại Nhật Bản được thực hiện bởi Miles [15], nhà nghiên cứu tiến hành khảo sát cả GV và SV về mục đích của việc đồng ý sử dụng phương pháp này vào lớp học. Miles đưa ra kết quả ngạc nhiên rằng cả hai nhóm đối tượng nghiên cứu đều chọn ba lợi ích quan trọng nhất của thuyết trình là (1) giúp cải thiện kỹ năng nói, (2) cải thiện năng lực tiếng Anh và (3) tự tin hơn khi nói bằng tiếng Anh. Tác giả cũng nhấn mạnh SV bày tỏ sự thích thú khi GV sử dụng phương pháp thuyết trình vì những SV này mong muốn cải thiện khả năng ngôn ngữ của họ hơn là học vì điểm số hay cách sử dụng Power Point.

C. Sử dụng phương pháp thuyết trình nhằm tăng khả năng nói tiếng Anh cho SV không chuyên tại trường Đại học Trà Vinh

Trong quá trình giảng dạy các môn Anh văn không chuyên⁶ tại Trường Đại học Trà Vinh, tác giả nhận thấy có sự khác biệt đáng kể ở những lớp có sử dụng phương pháp thuyết trình vào môn học so với những lớp còn lại. Sau khi tiến hành phân chia nhóm (mỗi nhóm có 2-3 SV), các nhóm chọn ngẫu nhiên các chủ đề. Những chủ đề này được GV đề xuất dựa trên giáo trình giảng dạy môn Anh văn không chuyên hiện nay tại Trường Đại học Trà Vinh là quyển Objective Ket (môn Anh văn không chuyên 1) và Objective Pet (môn Anh văn không chuyên 2, 3, 4). Từng nhóm có ít nhất hai tuần để chuẩn bị nội dung và

⁵ Còn được gọi là Giáo dục Mới

⁶ Anh văn không chuyên có 4 cấp độ (1,2,3,4) từ thấp đến cao

để đảm bảo chương trình giảng dạy kịp tiến độ thì mỗi tuần học sẽ có ít nhất 2 nhóm trình bày. Trước khi yêu cầu SV thuyết trình, GV giới thiệu rõ yêu cầu, mục đích tiên quyết của việc thuyết trình, cũng như những mục tiêu cần đạt được sau mỗi bài thuyết trình. Trong quá trình giảng dạy và thông qua các buổi thuyết trình, thảo luận, GV nhận thấy được kết quả tích cực mà phương pháp này mang lại cho SV, cụ thể là ở kĩ năng nói.

1) Tăng mức độ tự tin và có khả năng truyền đạt thông tin lưu loát: Ở một số lớp sử dụng phương pháp thuyết trình, đa phần SV thể hiện sự hào hứng hơn khi được tự do chia sẻ kiến thức từ những chủ đề trong phạm vi giáo trình giảng dạy. SV được tự do sáng tạo (thí dụ về hình thức trình bày, có thể sử dụng Power Point, Prezi hoặc những ứng dụng khác). Đây là cơ hội để SV trải nghiệm khả năng truyền đạt ý tưởng của mình đến người khác và cũng được xem là bước quan trọng trong khi học kĩ năng nói. Brooks et al. [26] và Daif-Allah et al. [13] đã chỉ ra SV chỉ tiến bộ khi họ có nguồn cảm hứng và động lực để thực hiện một hoạt động cụ thể nào đó. Mặc dù SV thuyết trình dưới dạng nhóm nhưng mỗi cá nhân trình bày nội dung khác nhau, do đó mỗi SV đều phải luyện tập để phần thuyết trình của mình được lưu loát và trôi chảy nhất. Trên thực tế, một số SV vẫn còn bực bội sự lo lắng trước khi thuyết trình nhưng lại truyền đạt ý tưởng tốt trong khi thuyết trình. Khi được hỏi lí do sau khi kết thúc bài thuyết trình, SV cho rằng do áp lực về thời gian vì đa số các bạn có nhiều ý kiến để chia sẻ. Tuy nhiên, SV cho biết mỗi bài thuyết trình với những chủ đề khác nhau giúp SV cảm thấy sự khác biệt và vì vậy nếu thực hiện tốt bài thuyết trình, SV cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh và cảm thấy có động lực hơn khi học môn ngoại ngữ này.

2) Cải thiện khả năng phát âm và sử dụng từ vựng đa dạng: Một lợi ích khác từ việc sử dụng phương pháp thuyết trình là SV có thể phát âm từ chính xác hơn. Ngoài việc chuẩn bị nội dung thuyết trình, SV cần luyện tập trước khi thực hiện bài thuyết trình trên lớp. Hầu hết SV cho biết để thuyết trình tốt, tất cả thành viên trong nhóm đều dành nhiều thời gian sửa lỗi phát âm cho nhau. Một số SV chia sẻ ý kiến rằng mặc dù giọng

nói và ngữ âm không thể giống hoàn toàn người bản xứ nhưng vẫn cố gắng luyện tập phát âm đúng. Sau đó, SV tự tin nói mà không sợ phát âm sai, từ đó giúp SV truyền đạt thông tin một cách dễ dàng, chính xác hơn và dễ hiểu hơn. Hơn nữa, trong quá trình tìm kiếm tài liệu phục vụ quá trình thuyết trình, SV còn học được nhiều từ vựng khác nhau liên quan đến chủ đề được trình bày. Từ đó, SV còn vận dụng linh hoạt các từ vựng đã học khi tham gia tương tác với các nhóm khác.

Ngoài kĩ năng nói được cải thiện đáng kể, SV cũng đánh giá cao phương pháp này do các kĩ năng ngôn ngữ khác cũng được cải thiện. Cụ thể, SV cải thiện được kĩ năng nghe trong khi nghe các bạn khác thuyết trình và trong quá trình trao đổi, thảo luận. Từ đây SV có thể tạo được thói quen sử dụng tiếng Anh thường xuyên hơn, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp sau khi ra trường. Bên cạnh đó, SV cũng cải thiện được khả năng viết đoạn, đặc biệt là viết về những chủ đề đã được thuyết trình hoặc thảo luận trên lớp.

3) Xây dựng môi trường học nói thân thiện và nâng cao các kĩ năng mềm khác: Sau một vài buổi sử dụng phương pháp thuyết trình, SV dần thay đổi thái độ học tập trên lớp. Cụ thể, SV nghiêm túc lắng nghe trong khi các bạn thuyết trình, và chủ động trao đổi thay vì GV chỉ định. Hơn nữa, SV thể hiện thái độ tôn trọng bạn cùng lớp khi những câu hỏi được đặt ra với mục tiêu học tập hơn là mang tính chỉ trích. Ngoài ra, một trong những lợi ích đạt được từ việc sử dụng phương pháp thuyết trình trên lớp học là SV nhận ra được tầm quan trọng của việc làm việc nhóm. Sau khi thuyết trình, SV đều có cơ hội chia sẻ những kinh nghiệm rút ra được trong quá trình chuẩn bị bài thuyết trình như những trang web hữu ích, cách tìm thông tin trên Internet. Hơn nữa, sử dụng phương pháp này còn giúp GV và SV có thể ứng dụng công nghệ thông tin vào lớp học. SV có thể hỗ trợ nhau những phần mềm dùng để thuyết trình. Điều này giúp SV tạo ra môi trường học sinh động, không nhàm chán khi học tiếng Anh. Ngoài ra, ở những lớp có trình độ tiếng Anh khá trở lên (thí dụ trình độ trung cấp trở lên), SV có thể tự chọn hoặc mở rộng chủ đề theo sở thích, phụ thuộc vào tình hình thực tế của môn học để thuyết trình. Điều này giúp SV

có nhiều hứng thú hơn khi chuẩn bị bài thuyết trình nói của mình vì SV được tự do trình bày những gì bản thân muốn chia sẻ.

Bên cạnh kỹ năng ngôn ngữ được nâng cao, SV có thể cải thiện những kỹ năng mềm quan trọng khác, tiêu biểu là kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết trình. Hơn thế nữa, thông qua việc chuẩn bị nội dung cho bài thuyết trình, SV có thể tích hợp được kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu tài liệu cho bản thân cũng như qua việc ứng dụng công nghệ thông tin hoặc đưa ra những phương pháp sáng tạo khác nhau để thuyết trình, SV có thể khám phá, bộc lộ khả năng sáng tạo của bản thân tốt nhất.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KẾT LUẬN

Tuy việc ứng dụng kỹ năng mềm vào giảng dạy mang lại nhiều tác động tích cực đến năng lực ngoại ngữ của SV nhưng cũng mang lại một số thách thức nhất định khi đưa các bài thuyết trình vào các lớp học. Bởi vì các bài thuyết trình đòi hỏi sự đảm bảo về thời gian và kế hoạch giảng dạy theo đúng tiến độ của lớp học. Từ những khó khăn gặp phải trong việc ứng dụng phương pháp này, người viết có một số đề xuất đến cả GV và SV. Về phía GV, để bài thuyết trình thành công, điều quan trọng là GV phải giới thiệu và dạy đúng các kỹ năng vĩ mô và vi mô khác nhau liên quan đến việc thuyết trình. Đồng thời, cần tạo ra môi trường thoải mái, hạn chế tính ràng buộc về điểm số quá nhiều để giảm bớt áp lực cho SV. GV cũng cần có mức đánh giá cụ thể và những nhận xét tương thích với bài thuyết trình của SV. Riêng đối với SV, cần chủ động trong việc học hỏi và thực tập kỹ năng thuyết trình sao cho bài thuyết trình được hiệu quả nhất, từ đó tạo thêm nhiều động lực cho những SV khác.

Nhìn chung, việc sử dụng bài thuyết trình để cải thiện kỹ năng nói không những tạo ra một phương pháp dạy học tích cực, lấy SV làm trung tâm mà còn là một hoạt động có ý nghĩa tạo hứng thú cho SV khi học ngoại ngữ. Thông qua các buổi thuyết trình, SV trong các lớp này trở thành những người học tích cực hơn và học cách tận hưởng việc tạo ra nội dung của riêng họ cho các bạn cùng lớp. SV xem việc trình bày trước lớp như một nhiệm vụ đầy thách thức, nhưng bổ

ích. Mặc dù các ý tưởng được đưa ra trong bài viết này về cách sử dụng phương pháp thuyết trình trong lớp học không có nghĩa là toàn diện, nhưng vẫn hi vọng rằng bài viết sẽ cung cấp cho GV một giải pháp cơ bản có thể áp dụng trong lớp học của mình, cho phép GV sử dụng các bài thuyết trình như một phương tiện để cải thiện kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh SV cũng như khả năng tư duy phê phán, và thậm chí là một trong những yếu tố thuận lợi có thể giúp SV tìm được việc làm trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Van Van H. The current situation and issues of the teaching of English in Vietnam. *Int Symp Teach English Asia* [Internet]. 2010;22(1):7-18. Available from: http://r-cube.ritsumei.ac.jp/bitstream/%0A10367/4129/1/LCS_22_1pp7-18_HOANG.pdf.
- [2] Tran TT. Factors affecting teaching and learning English in Vietnamese universities. *Internet J Lang Cult Soc*. 2013;38(1):138-45.
- [3] AL-ISSA ALIS, Al-Qubtan R. Taking the floor: Oral presentations in EFL classrooms. *TESOL J*. 2010;1(2):227-46.
- [4] Marzuki M, Prayogo J, Wahyudi A. Improving the EFL Learners' Speaking Ability through Interactive Storytelling. *DINAMIKA ILMU*. 2016;16:15-34.
- [5] Tsang A. Positive effects of a programme on oral presentation skills: high- and low-proficient learners' self-evaluations and perspectives. *Assess Eval High Educ* [Internet]. 2018 Jul 4;43(5):760-71. Available from: <https://doi.org/10.1080/02602938.2017.1407917>.
- [6] Bajrami L, Ismaili M. The Role of Video Materials in EFL Classrooms. *Procedia - Soc Behav Sci* [Internet]. 2016;232:502-6. Available from: <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1877042816313003>.
- [7] Koşar G, Bedir H. Strategies-based instruction: A means of improving adult EFL learners' speaking skills. *Int J Lang Acad*. 2014;2(3):12-26.
- [8] Boonkit K. Enhancing the development of speaking skills for non-native speakers of English. *Procedia-social Behav Sci*. 2010;2(2):1305-9.
- [9] Khan N, Ali A. Improving the speaking ability in English: The students' perspective. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*. 2010;2:3575-3579.
- [10] Leong L-M, Ahmadi SM. An analysis of factors influencing learners' English speaking skill. *Int J Res English Educ*. 2017;2(1):34-41.

- [11] EF English Proficiency Index. *The world's largest ranking of countries and regions by English skills* [Internet]. 2019 [cited 2019 Jun 15]. Available from: <https://www.ef.com/wwen/epi/>
- [12] Tran H, Moore P. Vietnamese English Teachers' Perceptions on Incorporating World Englishes Into Their Teaching. *Language Education in Asia*. 2015;6:107-121.
- [13] Daif-Allah AS, Khan MI. The Impact of Open Discussion Sessions on Enhancing the Oral Communicative Abilities of Saudi English Language Majors at Buraydah Community College. *English Lang Teach*. 2016; 9(6):108-22.
- [14] Cheung YL. Teaching Effective Presentation Skills to ESL/EFL Students. *The Internet TESL Journal*. 2008;17.
- [15] Miles R. Oral presentations for English proficiency purposes. *Reflections English Lang Teach*. 2009;8(2):103-10.
- [16] de Jong N, Steinel M, Florijn A, Schoonen R, H Hulstijn J. Linguistic skills and speaking fluency in a second language. *Applied Psycholinguistics*. 2012;34.
- [17] Soureshjani K, Ghanbari H. Factors leading to an effective oral presentation in EFL classrooms. *TFLTA J*. 2012;3:34-47.
- [18] Thornbury S. *How to teach speaking*. Longman; 2005.
- [19] Hanifa R. Factors generating anxiety when learning EFL speaking skills. *Studies in English Language and Education*. 2018;5. 230-239.
- [20] A. DENHAM P. English in Vietnam. *World Englishes*. 1992;11. 61-69.
- [21] Al Hosni S. Speaking difficulties encountered by young EFL learners. *Int J Stud English Lang Lit*. 2014;2(6):22-30.
- [22] Hanifa R, Yusra SR. Insight on Delivering Oral Presentation: Preparations, Problems, and Solutions. *International Journal of Learning and Teaching*. 2018;4:318.
- [23] King J. Preparing EFL learners for oral presentations. *Dong Hwa J Humanist Stud*. 2002;4:401-18.
- [24] Nguyen H. Student perceptions of the use of PechaKucha presentations for EFL reading classes. *Lang Educ Asia*. 2015;6(2):135-49.
- [25] Tevdovska ES. Integrating soft skills in higher education and the EFL classroom: Knowledge beyond language learning. *SEEU Rev*. 2015;11(2):95-106.
- [26] Brooks G, Wilson J. Using oral presentations to improve students' English language skills. *Kwansei Gakuin University Humanities Review*. 2015;19:199-212.